

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Quốc tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học thành viên và Khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQT-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2004 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao phụ trách Trường Đại học Quốc tế Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học tại Tờ trình số 484/TTr-ĐTĐH ngày 11 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Quốc tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 265/QĐ-ĐHQT ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo đại học và Quyết định số 266/QĐ-ĐHQT ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo đại học.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Đinh Đức Anh Vũ

QUY ĐỊNH

Mở ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Quốc tế

(Kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 12 năm 2023

của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này bao gồm: quy định chung, điều kiện; trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo; tổ chức thực hiện mở ngành đào tạo trình độ đại học.
- Quy định này áp dụng đối với các Khoa/Bộ môn, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Quốc tế (sau đây gọi là Trường).
- Quy định này áp dụng cho việc mở ngành đào tạo trình độ đại học gồm:
 - Các ngành đào tạo có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
 - Các ngành đào tạo chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (Danh mục ngành đào tạo) là danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) ban hành.
- Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục ngành đào tạo.
- Ngành đào tạo liên ngành là ngành mang tính tổng hợp kiến thức khoa học của nhiều ngành khác nhau.
- Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.
- Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục ngành đào tạo. Các trường hợp đặc biệt:

a) Trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo.

b) Trường hợp ngành dự kiến mở là ngành đào tạo liên ngành, ngành phù hợp là ngành thuộc cùng nhóm ngành với một trong các ngành gốc.

c) Trường hợp ngành dự kiến mở được hình thành trên cơ sở tách ra từ một ngành theo yêu cầu của khoa học, công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp, ngành phù hợp là ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành gốc.

d) Các trường hợp khác do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) xem xét, quyết định.

7. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác).

8. Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại Trường, cụ thể như sau:

a) Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 ngày 12 tháng 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại Trường theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

9. Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 8 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với Trường theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được Trường trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với Trường.

10. Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy chương trình đào tạo là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

Điều 3. Mục tiêu của quy định mở ngành

1. Bảo đảm thực hiện mở ngành đào tạo theo định hướng, chủ trương chung của Trường về phát triển ngành nghề đào tạo và theo sự phát triển của xã hội.
2. Thống nhất công tác xây dựng, thẩm định, phê duyệt đề án mở ngành đào tạo tại Trường.
3. Là cơ sở pháp lý cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát về mở ngành đào tạo tại Trường.

Chương II

ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Điều 4. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường được ĐHQG-HCM phê duyệt.

b) Tên ngành đăng ký đào tạo có trong Danh mục ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT. Trường hợp tên ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục ngành đào tạo, xây dựng Đề án mở ngành đào tạo thí điểm cần thuyết minh:

- Căn cứ khoa học và thực tiễn hình thành ngành đào tạo mới (trên cơ sở tách ra từ một ngành hoặc kết hợp một số ngành theo yêu cầu phát triển của khoa học, công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp).

- Sự khác biệt tối thiểu là 30% về kiến thức và kỹ năng chuyên môn so với các ngành hiện có thuộc nhóm ngành dự kiến sắp xếp trong Danh mục ngành đào tạo.

- Có số liệu phân tích, đánh giá và dự báo tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo hiện tại không đáp ứng được và khả năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo khác không đáp ứng được.

- Đã được đào tạo tại nhiều cơ sở đào tạo (CSĐT) có uy tín trên thế giới hoặc đã được liệt kê ở ít nhất hai bảng phân loại các chương trình và ngành đào tạo thông dụng trên thế giới (trừ một số ngành chỉ đào tạo ở Việt Nam).

c) Trường hợp khác do ĐHQG-HCM xem xét và quyết định.

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) phải bảo đảm

a) Chặt chẽ, khoa học, bảo đảm tính hệ thống, liên thông giữa các chương trình, ngành và trình độ đào tạo; tính mềm dẻo, linh hoạt trong quá trình đào tạo thông qua các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực, điều kiện và định hướng nghề nghiệp; đồng thời bảo đảm phù hợp với các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục; phát huy thế mạnh của Trường.

b) Cấu trúc CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, phù hợp với quy định về chuẩn đầu ra CTĐT và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

c) Theo hướng tham khảo, tiếp cận và sử dụng các CTĐT của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d) Thể hiện tính thực tiễn, hiệu quả của CTĐT thông qua việc gắn kết, hợp tác hoạt động đào tạo của CTĐT với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

3. Về đội ngũ giảng viên

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT.

b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và quy định sau:

Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo.

c) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (theo quy định tại Danh mục ngành đào tạo), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Đối với mở ngành đào tạo liên ngành, CSĐT sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực chung trong hệ thống ĐHQG-HCM để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

đ) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành đào tạo liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại

học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

e) Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp.

g) Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 3 Điều này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 hoặc chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (theo quy định tại Danh mục ngành đào tạo), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 3 Điều này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

h) Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các điểm đ, e, g khoản 3 Điều này và bảo đảm các điều kiện cụ thể về giảng viên đối với từng ngành đào tạo (theo quy định của Bộ GD&ĐT). Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các điểm đ, e, g khoản 3 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

4. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo.

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ

sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.

đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

e) Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm b khoản 4 Điều này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

g) Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều này và phải bảo đảm các điều kiện cụ thể về phòng thí nghiệm, thực hành đối với từng ngành đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều này và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

5. Có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Chủ trương mở ngành đào tạo

a) Hội đồng trường có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo.

b) Hội đồng ĐHQG-HCM có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT.

c) ĐHQG-HCM có văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo đối với mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Trình tự, thủ tục xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo. Nội dung đề xuất chủ trương mở ngành gồm:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Nhà trường, phù hợp với sứ mạng và chiến lược của Nhà trường, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

b) Về năng lực của Trường: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của Trường đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, CTĐT, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện CTĐT, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội.

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định CTĐT.

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

2. Thẩm định chủ trương mở ngành

a) Hội đồng khoa học và đào tạo Trường tổ chức thẩm định về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hội đồng khoa học và đào tạo của ĐHQG-HCM tổ chức thẩm định chủ trương mở ngành theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này đối với mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, mở ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

3. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

a) Hiệu trưởng báo cáo trình hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo và báo cáo ĐHQG-HCM.

b) Giám đốc ĐHQG-HCM báo cáo trình Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT.

c) ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo đối với mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

d) Phê duyệt chủ trương dựa trên các nội dung:

- Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của Trường, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế.

- Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả.
- Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Điều 6. Xây dựng đề án mở ngành đào tạo

1. Sau khi chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng Đề án mở ngành đào tạo.

2. Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định phân công cho một CSĐT phù hợp phụ trách và các CSĐT liên quan khác phối hợp để xây dựng Đề án mở ngành đào tạo đối với các ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT.

3. Thành lập Tổ soạn thảo Đề án mở ngành đào tạo

Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo Đề án mở ngành đào tạo để triển khai xây dựng đề án. Thành phần tham gia Tổ soạn thảo đề án do lãnh đạo Khoa/Bộ môn đề xuất, thành phần bao gồm: 01 tổ trưởng, 01 thành viên kiêm thư ký và các thành viên. Các thành viên trong Tổ soạn thảo phải có chuyên môn phù hợp với ngành đăng ký mở.

4. Tổ soạn thảo xây dựng Đề án mở ngành bảo đảm các nội dung sau:

a) Tổ chức xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình theo kiến thức, kỹ năng, năng lực đáp ứng mục tiêu đào tạo của chương trình. Xây dựng ma trận giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình;

b) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức của CTĐT, xây dựng CTĐT bảo đảm mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Đối chiếu, so sánh với các CTĐT của các CSĐT trong và ngoài nước để hoàn thiện CTĐT.

d) Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra của môn học theo chuẩn đầu ra của CTĐT và được Hội đồng Khoa học của các Khoa/Bộ môn có liên quan thông qua. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của CTĐT;

đ) Thiết kế đề cương chi tiết các môn học theo CTĐT đã xác định.

e) Thuyết minh về năng lực hiện có của Trường đối với ngành đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, kết quả nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện CTĐT.

g) Thuyết minh phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo.

5. Trình tự xây dựng Đề án mở ngành đào tạo: theo Quy trình mở ngành đào tạo tại Phụ lục I.

6. Nội dung Đề án mở ngành đào tạo gồm có:

a) Một số thông tin cơ bản giới thiệu về Trường: giới thiệu sơ lược về Trường, về Khoa/Bộ môn.

b) Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

c) Điều kiện về CTĐT: Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

d) Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo:

- Căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên trong mở ngành đào tạo theo Quy định này và điều kiện thực tế của Trường, Khoa/Bộ môn báo cáo Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Khoa/Bộ môn phối hợp với phòng Tổ chức Cán bộ và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt về tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của CTĐT, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Quy định này, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết thực hiện trong đề án mở ngành đào tạo.

đ) Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

- Căn cứ các quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong mở ngành đào tạo theo Quy định này và điều kiện thực tế của Trường, Khoa/Bộ môn báo cáo Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Khoa/Bộ môn phối hợp với phòng Quản trị Cơ sở Vật chất và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của Trường và trình Hiệu trưởng phê duyệt về triển khai thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Quy định này, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết trong đề án mở ngành đào tạo.

e) Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý mở ngành đào tạo

- Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

- Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

g) Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

- Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo

cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra.

- Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên và các bên liên quan.

h) Các minh chứng kèm theo đề án

- Nghị quyết của Hội đồng trường/Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của ĐHQG-HCM.

- Quyết định thành lập Tổ soạn thảo, biên bản Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường thông qua chương trình đào tạo.

- Hồ sơ thẩm định gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định; phiếu nhận xét, đánh giá; phiếu điểm; văn bản giải trình có xác nhận của Hội đồng thẩm định.

- Danh sách về giảng viên, về kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Mục 1, Mục 2 Phụ lục V Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đề cương chi tiết môn học: xây dựng theo quy định tại Phụ lục VI Quy định này, có xác nhận của trưởng khoa phụ trách môn học.

- Lý lịch khoa học của giảng viên: xây dựng theo quy định Phụ lục VII Quy định này, có chữ ký của người khai.

- Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo Mục 3 Phụ lục V Quy định này Quy định này.

- Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe).

- Quy định cụ thể việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, quy định việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của Trường trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào tạo, quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý điều chỉnh và quyết định đối với từng nội dung của đề án trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo.

- Bản nhận xét của các chuyên gia, các nhà quản lý và đại diện các tổ chức bên ngoài.

- Biên bản hội thảo để lấy ý kiến xây dựng CTĐT do Trường tổ chức hoặc hội thảo do đơn vị khác tổ chức mà Trường có tham gia báo cáo về CTĐT hoặc bảng tổng hợp kết quả khảo sát, lấy ý kiến về xây dựng CTĐT.

- Bản so sánh với các CTĐT trong và ngoài nước (ít nhất 02 chương trình của nước ngoài): nêu rõ % tín chỉ tương đương và có phân tích những điểm giống, khác nhau giữa hai chương trình.

- Biên bản ký kết hợp tác về nơi thực tập cho sinh viên với ít nhất 02 đơn vị.

7. Hồ sơ mở ngành đào tạo gồm có:

a) Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo.

b) Đề án mở ngành đào tạo: theo hướng dẫn tại Phụ lục II.

c) Đối với các ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe, các ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên, đề án mở ngành đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của ĐHQG-HCM.

Điều 7. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành.

2. Giám đốc ĐHQG-HCM ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đối với mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT.

Trường nộp 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Quy định này và tổ chức Hội đồng thẩm định.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định (đối với mở ngành đào tạo có trong Danh mục Thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)

a) Chủ tịch: Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo.

b) Phó Chủ tịch: Trưởng/Phó Trưởng ban Ban Đào tạo ĐHQG-HCM.

c) Ủy viên phản biện: tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc 02 cơ sở đào tạo khác nhau (là giáo sư, hoặc phó giáo sư, hoặc tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành phù hợp), tối thiểu 01 ủy viên phản biện là đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành đào tạo.

d) Ủy viên: Trưởng/Phó các phòng Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Bảo đảm Chất lượng Giáo dục và Khảo thí, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản trị Cơ sở Vật chất và các phòng chức năng có liên quan.

đ) Thư ký: chuyên viên Phòng Đào tạo Đại học.

Đối với mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT: thư ký là chuyên viên Ban Đào tạo.

4. Các thành viên đã tham gia Tổ soạn thảo đề án mở ngành đào tạo hoặc đã tham gia đóng góp ý kiến cho đề án thì không được là thành viên Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo.

5. Số lượng Hội đồng thẩm định phải là số lẻ. Hội đồng không được tổ chức thẩm định trong các trường hợp sau: vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký, vắng mặt phản biện, vắng mặt từ 1/3 thành viên Hội đồng.

6. Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá nội dung đề án mở ngành đào tạo theo Phụ lục III, Phụ lục IV. Thư ký không viết nhận xét và đánh giá.

7. Chủ tịch Hội đồng thẩm định dựa trên các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và điểm đánh giá để kết luận đề án mở ngành đào tạo. Kết luận phải nêu rõ: điểm

đánh giá đề án mở ngành đào tạo (đánh giá là đạt nếu điểm trung bình từ 70 điểm trở lên theo thang điểm 100 điểm, thấp hơn 70 điểm là không đạt).

8. Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua đề án mở ngành đào tạo và nêu lý do.

a) Nếu Điểm đánh giá của Hội đồng từ 90 điểm trở lên: Tổ soạn thảo điều chỉnh hồ sơ theo các góp ý của Hội đồng, không cần gửi Hội đồng để lấy ý kiến lần 2.

b) Nếu Điểm đánh giá của Hội đồng dưới 90 điểm: Tổ soạn thảo điều chỉnh hồ sơ theo các góp ý của Hội đồng, gửi lại hồ sơ đã điều chỉnh cho Hội đồng để lấy ý kiến lần 2.

Điều 8. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo, ĐHQG-HCM/Trường tổ chức Hội đồng thẩm định, hoàn thiện hồ sơ theo các góp ý của Hội đồng. Hồ sơ bao gồm:

a) Đề án mở ngành đào tạo đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

b) Biên bản; phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định.

c) Văn bản giải trình về các nội dung đã được điều chỉnh, bổ sung theo góp ý và có xác nhận của Hội đồng thẩm định.

2. Phòng Đào tạo Đại học trình Hiệu trưởng Hồ sơ mở ngành đào tạo đã được hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng xem xét và ban hành Quyết định mở ngành đào tạo.

3. Đối với trường hợp mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT, mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên được thực hiện như sau:

a) Trường gửi hồ sơ mở ngành đào tạo về ĐHQG-HCM.

b) ĐHQG-HCM tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, phê duyệt mở ngành đào tạo. Riêng đối với mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên, ĐHQG-HCM gửi hồ sơ đến Bộ GD&ĐT để thực hiện thẩm định và phê duyệt theo quy định.

c) Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, ĐHQG-HCM thông báo bằng văn bản cho Trường.

Điều 9. Đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo

1. Việc đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với ngành đào tạo trình độ đại học đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được thì quyết định mở ngành đối với ngành này hết hiệu lực. Nếu Khoa/Bộ môn muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, Khoa/Bộ môn phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo theo quy định của Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Tổ soạn thảo đề án mở ngành có trách nhiệm xây dựng đề án mở ngành đúng với các quy định hiện hành của Trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các Khoa/Bộ môn có trách nhiệm đề xuất chủ trương mở ngành, đề xuất thành viên Tổ soạn thảo đề án mở ngành; thực hiện lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo hoàn chỉnh, các tài liệu, văn bản liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành; quản lý các hoạt động chuyên môn và triển khai thực hiện đúng cam kết theo đề án mở ngành đào tạo sau khi có quyết định mở ngành và ban hành CTĐT.

Các ngành đào tạo thí điểm, sau 02 khóa tốt nghiệp, Khoa/Bộ môn phải tổ chức đánh giá CTĐT, chất lượng và hiệu quả đào tạo, việc làm của người học sau khi đào tạo, ý kiến của người sử dụng lao động về CTĐT và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực để Trường báo cáo ĐHQG-HCM đề nghị Bộ GD&ĐT bổ sung tên ngành đào tạo thí điểm vào Danh mục ngành đào tạo.

3. Phòng Đào tạo Đại học có trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học; hướng dẫn Tổ soạn thảo và Khoa/Bộ môn trong việc rà soát xây dựng đề án mở ngành đào tạo; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và công khai thông tin mở ngành theo quy định của ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT.

4. Phòng Bảo đảm Chất lượng Giáo dục và Khảo thí và các Khoa/Bộ môn có trách nhiệm trong việc đánh giá chất lượng, kiểm định CTĐT theo quy định hiện hành.

5. Phòng Thanh tra Pháp chế có trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo.

6. Các đơn vị và phòng chức năng có liên quan có trách nhiệm phối hợp cùng Tổ soạn thảo và Khoa/Bộ môn thực hiện theo kế hoạch của Trường trong việc xây dựng đề án mở ngành theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo, Trường báo cáo ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT (trừ các ngành do Bộ GD&ĐT quyết định) hoặc ĐHQG-HCM báo cáo Bộ GD&ĐT (đối với mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT):

a) Quyết định mở ngành đào tạo.

b) Đề án mở ngành đào tạo.

c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của Trường đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, Trường báo cáo ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT, việc Trường đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện CTĐT đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành, gồm các nội dung theo quy định tại điểm g khoản 3 và điểm e khoản 4 Điều 4 Quy định này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm (trừ trường hợp mở ngành ở trình độ đại học đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên và lĩnh vực Pháp luật).

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Trường báo cáo về ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT hoặc ĐHQG-HCM báo cáo Bộ GD&ĐT đối với mở ngành đào tạo thí điểm, mở ngành đào tạo liên ngành có nhiều CSĐT tham gia thực hiện CTĐT về quyết định mở ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) của Trường, theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này để phục vụ công tác quản lý, bao gồm các nội dung: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; tên ngành; trình độ đào tạo; lý do quyết định mở ngành hết hiệu lực.

4. Phòng Đào tạo Đại học và Khoa/Bộ môn có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trường công khai trên trang thông tin điện tử và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học như sau:

a) Công khai Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ hoạt động ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường trên trang thông tin điện tử của Trường ít nhất là 45 ngày trước khi tổ chức thực hiện.

b) Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của ĐHQG-HCM, Trường phải công khai trên trang thông tin điện tử của Trường các nội dung sau:

- Quyết định mở ngành đào tạo.

- Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra CTĐT; danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập.

- Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của Trường vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này. Trong các trường hợp đặc biệt, Trường báo cáo ĐHQG-HCM xem xét quyết định./.

Phụ lục I

QUY TRÌNH MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)*

I. ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC NGÀNH CHÍNH THỨC

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
1	Thẩm định và phê duyệt chủ trương mở ngành			
1.1	Khoa/Bộ môn gửi nhu cầu mở ngành mới của Khoa/Bộ môn đến Phòng Đào tạo Đại học (P.ĐTĐH). - Đối với các ngành thuộc chiến lược: Khoa/Bộ môn trình bày cụ thể kết quả khảo sát nhu cầu, ý kiến các bên liên quan. - Đối với các ngành không thuộc chiến lược: cần có bước bổ sung, cập nhật và điều chỉnh chiến lược.	Khoa/Bộ môn (P.ĐTĐH)	Công văn	Tháng 8 hằng năm
1.2	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định chủ trương mở ngành.	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường (P.ĐTĐH, Khoa/Bộ môn)	Biên bản họp	
1.3	Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương mở ngành	Hội đồng Trường	Nghị quyết của Hội đồng trường	
2	Thành lập Tổ soạn thảo Đề án mở ngành trình độ đại học			

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
2.1	Khoa/Bộ môn gửi đề nghị danh sách nhân sự thực hiện đề án mở ngành: Tổ soạn thảo	Khoa/Bộ môn (P.ĐTĐH)	Công văn đề nghị	Tháng 10
2.2	P. ĐTĐH làm tờ trình, quyết định trình Ban Giám hiệu phê duyệt	P. ĐTĐH	Tờ trình, Quyết định thành lập Tổ soạn thảo	07 ngày làm việc
3	Xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học (theo mẫu tại Phụ lục II)			
3.1	Tổ soạn thảo thực hiện các bước xây dựng hồ sơ mở ngành theo quy định.	Tổ soạn thảo (P.ĐTĐH)	Hồ sơ mở ngành	2 tháng
4	Hội đồng Khoa/Bộ môn thông qua đề án mở ngành			
4.1	Trình Hội đồng Khoa/Bộ môn thông qua đề án mở ngành	Khoa, Bộ môn Hội đồng Khoa/Bộ môn	Hồ sơ mở ngành	Tháng 1
5	Tổ soạn thảo gửi hồ sơ về P. ĐTĐH			
5.1	Tổ soạn thảo gửi hồ sơ mở ngành về P. ĐTĐH để rà soát hồ sơ đúng quy định	Tổ soạn thảo (P.ĐTĐH)	Hồ sơ mở ngành	
5.2	P.ĐTĐH kiểm tra hồ sơ theo quy định, phản hồi về Tổ soạn thảo	P. ĐTĐH	Bản nhận xét hồ sơ mở ngành	10 ngày làm việc
5.3	Tổ soạn thảo điều chỉnh đề án theo góp ý từ P. ĐTĐH	Tổ soạn thảo	Hồ sơ mở ngành	07 ngày làm việc
5.4	P.ĐTĐH kiểm tra các nội dung điều chỉnh, yêu cầu điều chỉnh bổ sung (nếu có)	P. ĐTĐH (Tổ soạn thảo)	Bản nhận xét hồ sơ mở ngành	07 ngày làm việc
6	Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường thông qua đề án mở ngành			
6.1	Họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	- Tổ soạn thảo - Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	Biên bản họp Hồ sơ mở ngành	1 ngày làm việc. Thời gian họp do chủ tịch HĐKHĐT quyết định

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
6.2	Tổ soạn thảo đề án thực hiện điều chỉnh hồ sơ đề án theo yêu cầu của Hội đồng, gửi về P.ĐTĐH rà soát và phản hồi	Tổ soạn thảo (P.ĐTĐH)	Hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh. Bảng giải trình	07 ngày làm việc
7	Thẩm định Đề án mở ngành			
7.1	Đề xuất danh sách nhân sự Hội đồng thẩm định đề án mở ngành	Khoa/Bộ môn	Công văn	03 ngày làm việc
7.2	Trình Ban Giám hiệu phê duyệt nhân sự Hội đồng thẩm định	P.ĐTĐH	Tờ trình, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành	05 ngày làm việc
7.3	- Tập hợp hồ sơ, gửi hồ sơ đề án cho thành viên Hội đồng thẩm định - Tiếp nhận bản nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định - Đề xuất thời gian họp Hội đồng thẩm định đề án mở ngành	P.ĐTĐH	- Hồ sơ mở ngành - Bản nhận xét	10 ngày làm việc
7.4	Họp Hội đồng thẩm định đề án mở ngành	-Hội đồng thẩm định -Tổ soạn thảo	- Hồ sơ mở ngành - Phiếu đánh giá - Biên bản họp	01 ngày làm việc
7.5	Chủ tịch Hội đồng thẩm định phê duyệt Biên bản họp	Thư ký Hội đồng thẩm định	- Biên bản họp - Hồ sơ mở ngành	05 ngày làm việc
7.6	Gửi Biên bản họp kèm các bản nhận xét cho Tổ soạn thảo và các thành viên Hội đồng	Thư ký Hội đồng thẩm định	- Biên bản họp - Hồ sơ mở ngành	02 ngày làm việc
8	Hoàn thiện hồ sơ Đề án mở ngành theo góp ý của Hội đồng thẩm định			
8.1	- Tổ soạn thảo thực hiện các bước điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đề án theo góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định	Tổ soạn thảo	- Hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh - Bảng giải trình các điều chỉnh	07 ngày làm việc

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
	- Tổ soạn thảo gửi hồ sơ đề án cho thường trực Hội đồng thẩm định (P.ĐTĐH) kèm bảng giải trình. - Nếu Điểm đánh giá của Hội đồng từ 90 điểm trở lên: Tổ soạn thảo điều chỉnh hồ sơ theo các góp ý của Hội đồng, không cần gửi Hội đồng để lấy ý kiến lần 2. - Nếu Điểm đánh giá của Hội đồng dưới 90 điểm: Tổ soạn thảo điều chỉnh hồ sơ theo các góp ý của Hội đồng, gửi lại hồ sơ đã điều chỉnh cho Hội đồng để lấy ý kiến lần 2.			
8.2	P.ĐTĐH kiểm tra các nội dung điều chỉnh, yêu cầu điều chỉnh bổ sung (nếu có)	P.ĐTĐH		
8.3	- Tổ soạn thảo điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đề án theo góp ý lần 2 của các thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có) - Tổ soạn thảo gửi lại hồ sơ Đề án cho thường trực Hội đồng thẩm định thông qua P.ĐTĐH kèm bảng giải trình	Tổ soạn thảo	- Hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh - Bảng giải trình các điều chỉnh	03 ngày làm việc
9	Phê duyệt Quyết định mở ngành			
9.1	P.ĐTĐH trình Ban Giám hiệu phê duyệt Quyết định mở ngành kèm Hồ sơ đã được hoàn thiện	P.ĐTĐH	- Quyết định mở ngành - Hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh - Bảng giải trình các điều chỉnh	03 ngày làm việc
9.2	Hiệu trưởng ban hành Quyết định mở ngành đào tạo	Ban Giám Hiệu	Quyết định mở ngành	03-05 ngày làm việc

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
9.3	- Khoa/Bộ môn cập nhật sự thay đổi ở tất cả các văn bản liên quan - Khoa/Bộ môn gửi phòng Đào tạo Đại học 03 cuốn hồ sơ mở ngành có đóng dấu để lưu trữ và giải trình khi cần.	Khoa/Bộ môn	Hồ sơ mở ngành đã đóng mộc	07 ngày làm việc
9.4	Nhập chương trình đào tạo, môn học mới vào phần mềm quản lý đào tạo (theo tên môn học tiếng Anh và tiếng Việt)	P.ĐTĐH (Khoa/Bộ môn)		10 ngày làm việc
10	Báo cáo và Công khai thông tin			
10.1	Gửi báo cáo Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM theo quy định	P.ĐTĐH	- Công văn. - Quyết định mở ngành - Hồ sơ Đề án mở ngành kèm các minh chứng	Trong vòng 10 ngày làm việc từ khi ban hành Quyết định mở ngành
10.2	Công khai thông tin về việc mở ngành trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, của Khoa/Bộ môn.	P. ĐTĐH (Phòng Quan hệ Đối ngoại, Khoa/Bộ môn)	- Quyết định mở ngành - Hồ sơ Đề án mở ngành	Trong vòng 05 ngày làm việc từ khi ban hành Quyết định mở ngành

II. ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH THÍ ĐIỂM, ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC NGÀNH THÍ ĐIỂM CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
1	Thẩm định và phê duyệt chủ trương mở ngành			
1.1	Khoa/Bộ môn gửi nhu cầu mở ngành mới của Khoa/Bộ môn đến P. ĐTĐH.	Khoa/Bộ môn (P. ĐTĐH)	Công văn	Tháng 8 hàng năm

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
	- Đối với các ngành thuộc chiến lược: Khoa/Bộ môn trình bày cụ thể kết quả khảo sát nhu cầu, ý kiến các bên liên quan. - Đối với các ngành không thuộc chiến lược: cần có bước bổ sung, cập nhật và điều chỉnh chiến lược.			
1.2	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định chủ trương mở ngành	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường (P. ĐTĐH, Khoa/Bộ môn)	Biên bản họp	
1.3	Hội đồng Khoa học và Đào tạo ĐHQG-HCM thẩm định chủ trương mở ngành.	Hội đồng Khoa học và Đào tạo ĐHQG-HCM	Công văn	
1.4	Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành.	Hội đồng ĐHQG-HCM	Nghị quyết Hội đồng ĐHQG-HCM	
2.	Thành lập Tổ soạn thảo Đề án mở ngành trình độ đại học			
2.1	Khoa/Bộ môn gửi đề nghị danh sách nhân sự thực hiện đề án mở ngành: Tổ soạn thảo	Khoa/Bộ môn (P. ĐTĐH)	Công văn đề nghị	Tháng 10
2.2	P. ĐTĐH làm tờ trình, quyết định thành lập Tổ soạn thảo trình Ban Giám hiệu phê duyệt	P. ĐTĐH	Tờ trình, Quyết định thành lập Tổ soạn thảo	07 ngày làm việc
3.	Xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học (theo mẫu tại Phụ lục II)			
3.1	Tổ soạn thảo thực hiện các bước xây dựng hồ sơ mở ngành theo quy định.	Tổ soạn thảo (P. ĐTĐH)	Hồ sơ mở ngành	2 tháng
4	Hội đồng Khoa/Bộ môn thông qua đề án mở ngành			

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
4.1	Trình Hội đồng Khoa/Bộ môn thông qua đề án mở ngành	Khoa/Bộ môn Hội đồng Khoa/Bộ môn	Hồ sơ mở ngành	Tháng 1
5	Tổ soạn thảo gửi hồ sơ về P. ĐTDH			
5.1	Tổ soạn thảo gửi hồ sơ mở ngành về P. ĐTDH để rà soát hồ sơ đúng quy định	Tổ soạn thảo (P. ĐTDH)	Hồ sơ mở ngành	
5.2	P. ĐTDH kiểm tra hồ sơ theo quy định, phản hồi về Tổ soạn thảo	P. ĐTDH	Bản nhận xét hồ sơ mở ngành	10 ngày làm việc
5.3	Tổ soạn thảo điều chỉnh đề án theo góp ý từ P.ĐTDH	Tổ soạn thảo	Hồ sơ mở ngành	07 ngày làm việc
5.4	P. ĐTDH kiểm tra các nội dung điều chỉnh, yêu cầu điều chỉnh bổ sung (nếu có)	P. ĐTDH (Tổ soạn thảo)	Bản nhận xét hồ sơ mở ngành	07 ngày làm việc
6	Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường thông qua đề án mở ngành			
6.1	Họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	-Tổ soạn thảo -Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường	Biên bản họp	1 ngày làm việc. Thời gian họp do chủ tịch HĐKHĐT quyết định
6.2	Tổ soạn thảo hoàn chỉnh hồ sơ theo góp ý của Hội đồng, gửi lại P. ĐTDH rà soát	Tổ soạn thảo P. ĐTDH	- Hồ sơ mở ngành - Bảng giải trình các điều chỉnh	07 ngày làm việc
7	Thẩm định Đề án mở ngành theo quy định			
7.1	Gửi ĐHQG-HCM 02 bộ hồ sơ mở ngành	P. ĐTDH	- Công văn - Hồ sơ mở ngành (02 bộ)	03 ngày làm việc
7.2	ĐHQG-HCM chủ trì Hội đồng thẩm định đề án mở ngành	Hội đồng thẩm định	- Hồ sơ mở ngành	

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
			- Phiếu đánh giá - Biên bản họp	
8	Hoàn thiện hồ sơ Đề án mở ngành theo góp ý của Hội đồng thẩm định			
8.1	Thực hiện các bước điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đề án theo góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định	Tổ soạn thảo	Hồ sơ mở ngành	07 ngày làm việc
8.2	Tổ soạn thảo gửi hồ sơ đề án cho P.ĐTĐH kèm bảng giải trình	Tổ soạn thảo	- Hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh - Bảng giải trình các điều chỉnh	03 ngày làm việc
8.3	Gửi ĐHQG-HCM hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh	P.ĐTĐH	- Hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh - Bảng giải trình các điều chỉnh - Công văn đề nghị phê duyệt hồ sơ mở ngành và ban hành quyết định mở ngành	03 ngày làm việc
9	Phê duyệt Quyết định mở ngành			
9.1	ĐHQG-HCM ban hành Quyết định mở ngành đào tạo	ĐHQG-HCM	- Quyết định mở ngành đào tạo - Hồ sơ mở ngành đã điều chỉnh	

Bước	Nội dung công việc triển khai	Phụ trách (Phối hợp)	Hình thức	Thời gian
9.2	- Khoa/Bộ môn cập nhật sự thay đổi ở tất cả các văn bản liên quan - Khoa/ Bộ môn gửi phòng Đào tạo Đại học 03 cuốn hồ sơ mở ngành.	Khoa/Bộ môn	Hồ sơ mở ngành đã đóng mộc	07 ngày làm việc
9.3	Nhập chương trình đào tạo, môn học mới vào hệ thống quản lý đào tạo (theo tên môn học tiếng Anh và tiếng Việt)	P.ĐTĐH (Khoa/Bộ môn)		10 ngày làm việc
10	Báo cáo và Công khai thông tin			
10.1	Gửi báo cáo cho Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM theo quy định	P.ĐTĐH	- Công văn Quyết định mở ngành - Hồ sơ Đề án mở ngành kèm các minh chứng	Trong vòng 10 ngày làm việc từ khi ban hành Quyết định mở ngành
10.2	Công khai thông tin về việc mở ngành trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, của Khoa/Bộ môn	P.ĐTĐH (Phòng Quan hệ Đối ngoại, Khoa/Bộ môn)	- Quyết định mở ngành - Hồ sơ Đề án mở ngành	Trong vòng 05 ngày làm việc từ khi ban hành Quyết định mở ngành

III. ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH THÍ ĐIỂM, CHƯA CÓ TRONG DANH MỤC NGÀNH THÍ ĐIỂM CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Khoa/Bộ môn thực hiện báo cáo thuyết minh các nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy định này, gửi về Phòng Đào tạo Đại học trình ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT xin ý kiến chủ trương.

Sau khi ngành đề xuất được phê duyệt vào Danh mục ngành thí điểm của Bộ GD&ĐT, Khoa/Bộ môn thực hiện mở ngành theo Mục II của Quy trình này.

Phụ lục II

MẪU ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)*

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về Trường Đại học Quốc tế, Khoa/Bộ môn
2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo
3. Chương trình đào tạo
 - 3.1. Thông tin chung
 - a) Tên ngành đào tạo:
+ Tiếng Việt:
+ Tiếng Anh:
 - b) Mã ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo. Nếu ngành nào chưa có trong Danh mục thì ghi là ngành đào tạo thí điểm).
 - c) Loại hình đào tạo:
 - d) Thời gian đào tạo:
 - đ) Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
+ Tiếng Việt: Cử nhân/Kỹ sư/Kiến trúc sư/Bác sĩ/Dược sĩ; ...
+ Tiếng Anh:
 - e) Địa điểm đào tạo:

3.2. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

- a) Đối tượng tuyển sinh
- b) Phương thức tuyển sinh
- c) Tổ hợp môn xét tuyển
- d) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

3.3. Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu chung: nên trình bày thật ngắn gọn, khái quát được mục tiêu của CTĐT về: năng lực kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, Mục tiêu phải thể hiện được sự gắn kết với tầm nhìn, sứ mạng của Trường/của Khoa.

b) Mục tiêu cụ thể: cụ thể hóa từ mục tiêu chung, nên trình bày mục tiêu cụ thể phân theo các khối kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

3.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: được xác định từ các mục tiêu cụ thể. Với mỗi nhóm mục tiêu kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cần xác định các chuẩn đầu ra tương ứng. Chuẩn đầu ra bảo đảm đầy đủ theo quy định về chuẩn đầu ra theo các bậc/trình độ tương ứng tại phụ lục “Bảng mô tả Khung trình độ Quốc gia Việt Nam” kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra (CDR)	Nội dung Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
Kiến thức		
...		.
...		
...		
Kỹ năng		
.....		
Mức tự chủ và trách nhiệm		

*Trình độ năng lực theo thang Bloom

3.5. Ma trận giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục tiêu (Program Objectives – PO _i)	Chuẩn đầu ra
PO ₁	CDR...
...	...
...	...
....	...

3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

3.7. Thang điểm

3.8. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng):

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		
II	Khối kiến thức cơ sở ngành		
III	Kiến thức chuyên ngành		
IV	Kiến thức bổ trợ		
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp		
	Tổng cộng		

3.9. Nội dung chương trình đào tạo

(Liệt kê tất cả các môn học thuộc CTĐT, phân theo các khối kiến thức giáo dục đại cương, Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chuyên ngành, Kiến thức bổ trợ, Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp, trình bày như bảng sau)

TT	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
I	Kiến thức giáo dục đại cương							
		Lý luận chính trị						
		Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật						
		Ngoại ngữ						
		Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường						
		Kinh tế - Quản lý						
II	Kiến thức cơ sở ngành							
III	Kiến thức chuyên ngành							
IV	Kiến thức bổ trợ							
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp							
	Tổng số (tín chỉ)							

Ghi chú:

- (**): Ghi tên PTN. Nếu sử dụng chung PTN do CSĐT khác quản lý phải ghi rõ tên CSĐT và đính kèm thỏa thuận cho phép sử dụng PTN.

- Số thứ tự của các môn học được đánh số tăng dần.

3.10. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

3.11. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

3.11.1. Danh sách các môn học phân bổ theo học kỳ

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (*)	Ghi chú
		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm		
I (tổng số tín chỉ)									
	Tổng số (tín chỉ)								

Ghi chú:

- (*): Ghi tên PTN.

3.11.2. Sơ đồ cấu trúc phân bổ các môn học và mối liên kết giữa các môn học.

3.12. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học theo thang đo Bloom:

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			CĐR1	CĐR2	CĐR3			CĐRi
I.	MMH1	MH1	1		3			
	MMH2	MH2	2	1	3			4
II.	...	...	...	...	...			...
	...	...	...	...	...			...

* 1: Remembering, 2: Understanding, 3: Applying, 4: Analysing, 5: Evaluating, 6: Creating

3.13. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học (số thứ tự của môn học tương ứng với số thứ tự của môn học trong nội dung chương trình đào tạo)

- Mã môn học:

- Tên môn học:

(Tiếng Anh):

(Tiếng Việt):

- Số tín chỉ: (ghi rõ số tín chỉ lý thuyết và thực hành)..... tín chỉ (.... lý thuyết + thực hành)

- Điều kiện tiên quyết/môn học trước: (để học được môn học này người học phải hoàn thành các môn nào?) (ghi rõ mã môn học – tên môn học)

- Mô tả nội dung môn học: nêu tóm tắt nội dung môn học, mục tiêu môn học đề ra, ...

3.14. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

3.15. Cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

3.16. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

3.17. Danh sách cố vấn học tập

3.18. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác	Ghi chú

3.19. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

4. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a) Phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và những nội dung khác có liên quan, từ đó đề xuất phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo và triển khai tuyển sinh.

b) Thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Trường và các bên liên quan.

5. Các minh chứng kèm theo đề án gồm:

a) Nghị quyết của Hội đồng trường/Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của ĐHQG-HCM.

b) Quyết định thành lập Tổ soạn thảo, biên bản Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường thông qua chương trình đào tạo.

c) Hồ sơ thẩm định gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định; phiếu nhận xét, đánh giá; phiếu điểm; văn bản giải trình có xác nhận của Hội đồng thẩm định.

d) Danh sách về giảng viên, về kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Mục 1, Mục 2 Phụ lục V Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

đ) Đề cương chi tiết môn học: xây dựng theo quy định tại Phụ lục VI Quy định này, có xác nhận của trưởng khoa phụ trách môn học.

e) Lý lịch khoa học của giảng viên: xây dựng theo quy định Phụ lục VII Quy định này, có chữ ký của người khai.

g) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo Mục 3 Phụ lục V Quy định này Quy định này.

h) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe).

i) Quy định cụ thể việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, quy định việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của Trường trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào tạo, quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý điều chỉnh và quyết định đối với từng nội dung của đề án trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo

k) Bản nhận xét của các chuyên gia, các nhà quản lý và đại diện các tổ chức bên ngoài

l) Biên bản hội thảo để lấy ý kiến xây dựng chương trình đào tạo do Trường tổ chức hoặc hội thảo do đơn vị khác tổ chức mà Trường có tham gia báo cáo về chương trình đào tạo hoặc bảng tổng hợp kết quả khảo sát, lấy ý kiến về xây dựng chương trình đào tạo.

m) Bản so sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước (ít nhất 02 chương trình của nước ngoài): nêu rõ % tín chỉ tương đương và có phân tích những điểm giống, khác nhau giữa hai chương trình.

n) Biên bản ký kết hợp tác về nơi thực tập cho sinh viên với ít nhất 02 đơn vị.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục III

THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng ... năm ...

BẢN NHẬN XÉT

HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
- bậc đào tạo:
- Mã ngành:
- Đơn vị đào tạo: , Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Mã số thuế/CMND:.....
2. Chức vụ hiện tại: Đơn vị công tác:
3. Học hàm - học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☐ TS; ☐ ThS; Khác

II. NỘI DUNG

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

.....
.....

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

.....

.....

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo)

.....

.....

.....

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

.....

.....

.....

.....

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

.....

.....

.....

.....

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

.....

.....

.....

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

.....

.....

.....

8. Các minh chứng kèm theo đề án.

.....

.....

.....

9. Ý kiến khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cán bộ thẩm định

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số **1454/QĐ-ĐHQT** ngày **22 tháng 12** năm **2023**
của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)

....., ngày tháng ... năm ...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Cán bộ thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo:
- bậc đào tạo:
- Mã ngành:
- Đơn vị đào tạo:

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:
2. Số CMND:
3. Chức vụ hiện tại:
4. Đơn vị công tác:
5. Học hàm – học vị: ☐ GS; ☐ PGS; ☐ TS; ☐ ThS; khác
6. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. PHẦN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1.	Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, ...)	10		
2.	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20		

Stt	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
3.	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	40		
4.	Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo	15		
5.	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...);	15		
	Tổng cộng	100		

III. KẾT LUẬN

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ☐

2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo: ☐

Lý do

3. Ý kiến khác (nếu có):

.....

Lưu ý:

- Điểm đánh giá trung bình thấp hơn 70 điểm là không đạt.

- Điểm đánh giá trung bình từ 70 điểm đến dưới 90 điểm là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

- Điểm đánh giá trung bình từ 90 điểm trở lên là đạt, cần điều chỉnh hồ sơ theo ý kiến Hội đồng, và không cần lấy ý kiến Hội đồng lần 2.

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục V

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở:

Mã ngành:

Trình độ đào tạo:

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	092066001879 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Nuôi trồng thủy sản	01/08/1988	X	HC158293061 873267	33	10	24	
2	Nguyễn Thị B 20/12/1971	064071007451 Việt Nam	PGS, 2015	TS, Hà Lan, 2009	Công nghệ chế biến thủy sản	X	15/11/2010, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương	HC893527818 012345	8	3	12	
...												

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
...								

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/ môn học được phân công)	Ghi chú

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1		
2		

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), tên sách, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), tên bài viết, tên tập san, số, kì/thời gian phát hành, số trang.

- Tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.

- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (năm xuất bản), Tiêu đề bài viết [trong] tên kỷ yếu, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của cơ sở đào tạo.

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục VI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

*(Kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế)*



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
Department/School of ...

COURSE SYLLABUS

Course Name:

Course Code:

1. General information

Course name	- (in English)..... - (in Vietnamese).....
Course designation	
Course type	☐ General knowledge ☐ Fundamental ☐ Specialized knowledge ☐ Internship/Project/Thesis ☐ Others:.....
Semester(s) in which the course is taught	
Person responsible for the course	
Language	
Relation to curriculum	☐ Compulsory ☐ Elective
Teaching methods	
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): Private study including examination preparation, specified in hours ¹ :

¹ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Credit points	 credits (Theory: + Practice:) ECTS (<i>optional</i>)														
Number of periods	Theory: Practice:														
Required and recommended prerequisites for joining the course	- Prerequisites: (Course code – Course name)..... - Corequisites: (Course code – Course name) - Previous course (Course code – Course name)														
Course objectives															
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 20%;">Competency level</th><th style="width: 80%;">Course learning outcome (CLO)</th></tr> <tr> <td>Knowledge</td><td> CLO1:..... CLOi:..... </td></tr> <tr> <td>Skill</td><td>CLOii:.....</td></tr> <tr> <td>Attitude</td><td>CLOiii:.....</td></tr> </table>			Competency level	Course learning outcome (CLO)	Knowledge	CLO1:..... CLOi:.....	Skill	CLOii:.....	Attitude	CLOiii:.....				
Competency level	Course learning outcome (CLO)														
Knowledge	CLO1:..... CLOi:.....														
Skill	CLOii:.....														
Attitude	CLOiii:.....														
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 70%;">Topic</th><th style="width: 15%;">Weight</th><th style="width: 15%;">Level</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table>			Topic	Weight	Level									
Topic	Weight	Level													
Examination forms															
Study and examination requirements															
Reading list															

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) is shown in the following table:

	PLO					
CLO	1	2	3	4	5	X-X
1						
2						
3						
x						

**Use Bloom's Taxonomy*

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Learning activities	Assessments	Resources

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLOi

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics

6. Date revised:

7. Course coordinator/Lecturer

- School/Department:
- Email:

....., dd/mm/yyyy

HEAD/DEAN OF DEPARTMENT/SCHOOL
(Signature)

<Full Name>

Phụ lục VII
LÝ LỊCH KHOA HỌC

*(Kèm theo Quyết định số 1454 /QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc*

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Thông tin trong 5 năm gần nhất và có liên quan trực tiếp đến đề tài/dự án đăng ký)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: Giới tính:
2. Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:.....
3. Quê quán: Dân tộc:
4. Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
5. Nơi đang công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Trường/viện:
- Phòng/ Khoa:
- Bộ môn:.....
- Phòng thí nghiệm:.....
6. Học vị cao nhất: Năm, nước nhận học vị:
7. Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
8. Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
9. Điện thoại liên hệ: CQ:NR: DD:
- Fax:Email:
10. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1													
2													

11. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ...đến...		
Từ...đến...		

12. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học				
Thạc sĩ				
Tiến sĩ				
Tiến sĩ Khoa học				

13. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

13.1. Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:
- Chuyên ngành:
- Chuyên môn:

13.2. Hướng nghiên cứu:

-
-

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Đề tài/dự án

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1				Đại học	
2				Thạc sĩ	
3				Tiến sĩ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

TT	Thời gian	Tên Trường đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của cơ quan

....., ngày ... tháng ... năm

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)